

Ngày 31/12/2024	29,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.7%	-3.9%	-2.9%

2024	
ROE	3.9%
	+/- YoY ▲ 3.0%

Q4/24	
DT thuần	56.4
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 34.8 ▲ 161%
	YoY ▼ 93.6 ▼ 62.4%

2024	
DT thuần	265
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 21.0 ▲ 8.5%

Q4/24	
LN gộp	-6.30
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 0.42 ▲ 6.2%
	YoY ▼ 25.6 ▼ 133%

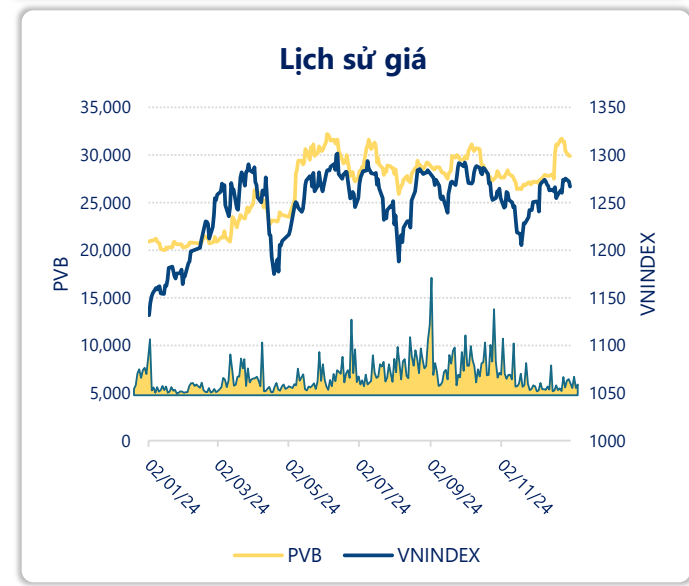
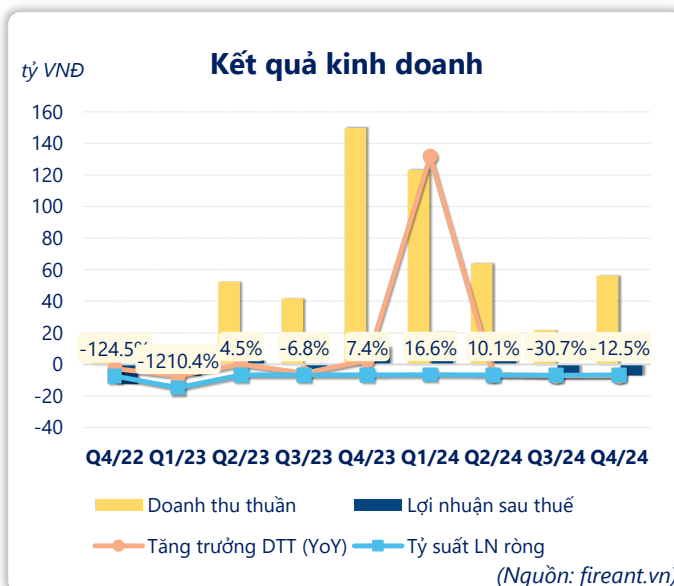
2024	
LN gộp	33.7
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 15.5 ▲ 85.8%

Q4/24	
LN thuần	-11.0
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 1.61 ▼ 17.2%
	YoY ▼ 24.2 ▼ 183%

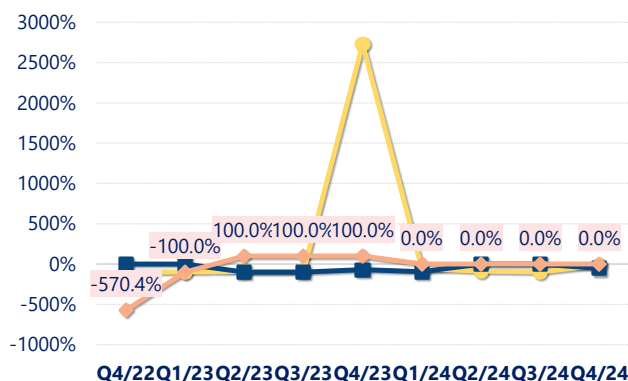
2024	
LN thuần	13.1
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 10.1 ▲ 336%

Q4/24	
LN sau thuế	-7.05
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 0.42 ▼ 6.4%
	YoY ▼ 18.1 ▼ 164%

2024	
LN sau thuế	14.5
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 11.1 ▲ 332%



Tăng trưởng lợi nhuận

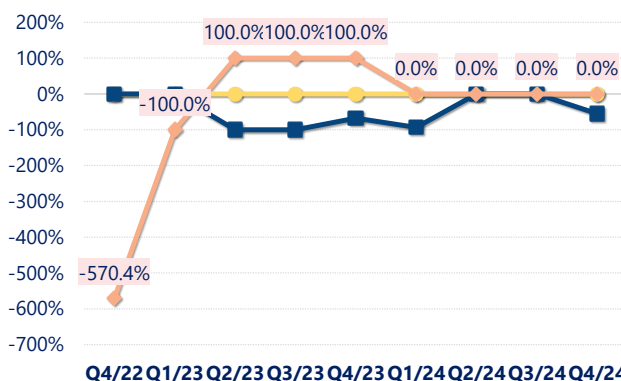


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

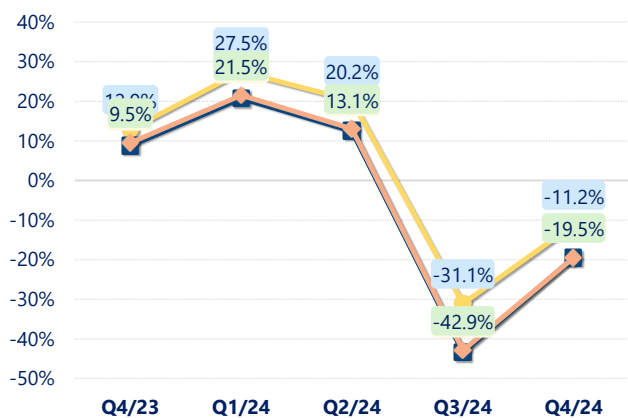


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

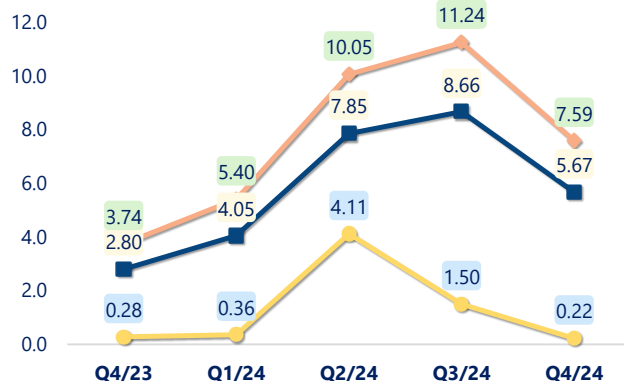


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

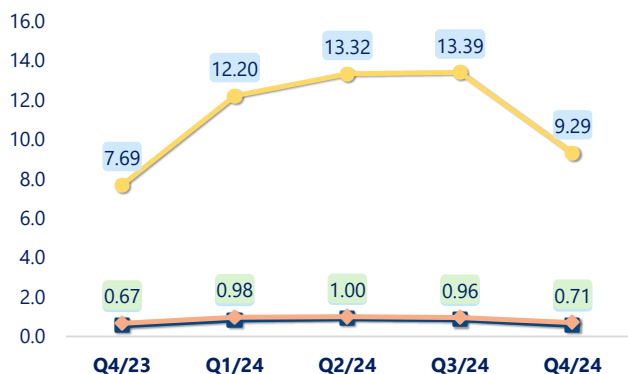


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

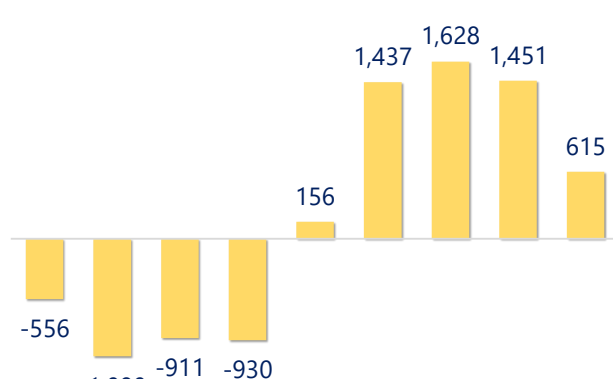


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	56.4	150	-62.4%	265	244	8.5%
Giá vốn hàng bán	62.7	130	-51.8%	231	226	2.3%
Lợi nhuận gộp	-6.30	19.3	-133%	33.7	18.2	85.8%
Doanh thu HĐTC	2.36	2.00	18.0%	6.40	10.8	-40.8%
Chi phí TC	0.29	1.43	-79.7%	1.45	1.52	-4.6%
Chi phí lãi vay	0.00	1.31	-99.8%	1.24	1.36	-8.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	6.77	6.72	0.8%	25.6	24.4	4.6%
LN thuần từ HĐKD	-11.0	13.2	-183%	13.1	3.01	336%
Lợi nhuận khác	0.02	-0.19	109%	0.26	1.15	-77.8%
LN trước thuế	-11.0	13.0	-185%	13.4	4.15	222%
Lợi nhuận sau thuế	-7.05	11.0	-164%	14.5	3.36	332%
LNST của CĐ cty mẹ	-7.05	11.0	-164%	14.5	3.36	332%

(Nguồn: fireant.vn)

